

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 02 - 2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Yến

Ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 879/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1971, trú tại: Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975, nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ hiện tại: Số N, Stuttgart Germany (Cộng hòa liên bang Đức). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:* Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/7/1997 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xung đột. Tình trạng này kéo dài nhiều năm, vợ chồng đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Đến tháng 3 năm 2013 thì bà T đi ra nước ngoài làm ăn cho đến nay chưa về lại Việt Nam. Từ ngày bà T đi ra nước ngoài cho đến nay thì tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, hai người không liên lạc với nhau và không quan tâm đến nhau nữa.

Hiện tại ông B thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông B trình bày vợ chồng có ba đứa con gồm: cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 12/02/1998, cháu Nguyễn Thị Lệ C - sinh ngày 18/3/2001 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 27/02/2009. Sau khi ly hôn, ông B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q và giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lệ C và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, hai bên không ai cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Tuy nhiên, hiện tại do bà T đang ở nước ngoài nên không thể chăm sóc con cái được, vì vậy ông B xin được tiếp tục nuôi con để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con ăn học. Việc đóng góp phí tổn nuôi con thì tùy vào sự tự nguyện của bà T.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến các con của ông B, bà T về nguyện vọng ở với ai sau khi bố, mẹ ly hôn. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành (đã 20 tuổi) đã có cuộc sống tự lập, còn cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C đều trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ.

- Bị đơn bà Hoàng Thị T hiện đang lao động tại Cộng Hòa Liên bang Đức. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn bà Hoàng Thị T, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được bất cứ lời khai, tài liệu, chứng cứ nào từ bà Hoàng Thị T, tại phiên tòa bà T không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, xử cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Hoàng Thị T; về con chung đề nghị xử giao cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C cho ông Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, buộc bà T đóng góp một phần phí tổn nuôi con cùng ông B; về tài sản chung ông Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 5119/A72 - P4 ngày 21/4/2017 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì bà Hoàng Thị T đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 13/3/2014, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh; ông Nguyễn Văn B cung cấp địa chỉ của bà Hoàng Thị T hiện cư trú tại: Stuttgart Germany (Cộng hòa liên bang Đức). Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2]. *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến cơ quan Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với bà Hoàng Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả. Căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đề nghị Cơ quan Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với bà T tại Cơ quan đại diện nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của bà Hoàng Thị T tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình và thông báo trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp để bà Hoàng Thị T biết việc ông Nguyễn Văn B đang xin ly hôn bà, nhưng vẫn không nhận được thông tin từ bà T.

Tháng 8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có nhận được “Đơn trình bày” do người viết ký tên là Hoàng Thị T gửi qua đường bưu điện, có nội dung như sau: Bà T kết hôn với ông B ngày 11/7/1997, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, bà T đã đi làm ăn ở nước ngoài từ tháng 2/2014 đến nay, vì vậy ông B xin ly hôn thì bà T cũng đồng ý. Về con chung có ba cháu, sau khi ly hôn thì bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Văn Q cho ông B nuôi, còn bà T xin nuôi cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện ở nước ngoài không về được, nên bà T đề nghị Tòa án xử vắng mặt bà.

Do đơn trình bày được gửi theo đường bưu điện, trong đơn không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nên Tòa án đã yêu cầu ông B cung cấp những tài liệu có bút tích của bà T để làm mẫu giám định xem chữ viết, chữ ký trong đơn có đúng do bà Hoàng Thị T (vợ ông B) trực tiếp viết ra hay không, nhưng ông B không cung cấp được mẫu để giám định, vì vậy Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong đơn. Do đó, không có cơ sở để xem đây là đơn do chính bà Hoàng Thị T (vợ ông B) gửi từ nước ngoài về cho Tòa án.

Căn cứ điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị T.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị T sống ly thân từ tháng 3/2013 đến nay, trong khoảng thời gian đó hai người không liên lạc với nhau và không hề quan tâm đến nhau. Theo như ông B trình bày thì sau khi kết hôn được

một thời gian ngắn, giữa hai vợ chồng đã bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xung đột. Trước Tòa ông B khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên ông cương quyết xin được ly hôn bà T. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, hai người đã có thời gian sống ly thân nhau tương đối lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Hoàng Thị T.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị T có ba đứa con chung gồm: cháu Nguyễn Văn Q - sinh ngày 12/02/1998, cháu Nguyễn Thị Lệ C - sinh ngày 18/3/2001 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh ngày 27/02/2009. Trong quá trình thụ lý vụ án, ông B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q và giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lệ C và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông B xin được tiếp tục nuôi các con ăn học. Xét thấy hiện tại cháu Q đã trưởng thành (đã 20 tuổi) cháu đã có việc làm, có cuộc sống tự lập của mình nên Tòa án không xem xét việc giao cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng; đối với cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C thì tại bản tự khai ngày 28/4/2017, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, hiện tại mẹ các cháu (bà Hoàng Thị T) đang sống ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu ăn học. Tòa án cũng không xác định được cuộc sống hiện tại của bà T như thế nào, có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu trưởng thành hay không. Trong thời gian bà T xa nhà (từ tháng 3/2013 đến nay) các con của ông B, bà T đều do một mình ông B nuôi dưỡng và được bảo đảm tốt về mọi mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao các cháu Nguyễn Thị Lệ C, Nguyễn Thị Quỳnh C cho ông Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau này khi bà T về nước thì ông B, bà T và các cháu có quyền thỏa thuận lại hoặc yêu cầu thay đổi quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù ông B có ý kiến tùy ở bà T, tuy nhiên xét thấy việc đóng góp phí tổn nuôi con chung là cần thiết, nên Hội đồng xét xử buộc bà Hoàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông B mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Quỳnh C tròn 18 tuổi.

[5]. *Về quan hệ tài sản*: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí, lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí tố tụng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn bà Hoàng Thị T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Thị Lệ C - sinh ngày 18/3/2001 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh C - sinh ngày 27/02/2009 cho ông Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc bà Hoàng Thị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C mỗi tháng 1.000.000 đồng (cho cả hai cháu), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2018 trở đi cho đến khi các cháu Nguyễn Thị Lệ C và Nguyễn Thị Quỳnh C tròn 18 tuổi.

3. *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài*:

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng mà ông B đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số 0000056 ngày 04/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Bà Hoàng Thị T (người có nghĩa vụ cấp dưỡng) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự trong vụ án;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ